

**DỰ TOÁN THU, CHI NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG VÀ MỨC BỔ SUNG TRÊN ĐỊA  
BÀN XÃ, PHƯỜNG 2026**

(Kèm Nghị quyết số 50/NQ-HĐND ngày 10 tháng 12 năm 2025 của HĐND tỉnh)

Đơn vị: Triệu đồng

| Stt | Xã, phường       | Tổng thu NSNN trên địa bàn | Thu NSDP được hưởng theo phân cấp | Trong đó:           |                               | Số bổ sung cân đối từ ngân sách cấp trên | Số bổ sung thực hiện cải cách tiền lương | Thu chuyển nguồn từ năm trước chuyển sang | Tổng chi cân đối NSDP |
|-----|------------------|----------------------------|-----------------------------------|---------------------|-------------------------------|------------------------------------------|------------------------------------------|-------------------------------------------|-----------------------|
|     |                  |                            |                                   | Thu NSDP hưởng 100% | Thu phân chia NSDP được hưởng |                                          |                                          |                                           |                       |
| A   | B                | 1                          | 2                                 | 2.1                 | 2.2                           | 3                                        | 4                                        | 5                                         | 6                     |
|     | <b>Tổng cộng</b> | <b>16.824.237</b>          | <b>10.263.380</b>                 | <b>2.507.749</b>    | <b>7.755.631</b>              | <b>15.956.254</b>                        | <b>0</b>                                 | <b>0</b>                                  | <b>26.219.634</b>     |
| 1   | An Lộc           | 157.610                    | 105.345                           | 44.210              | 61.135                        | 99.366                                   |                                          |                                           | 204.711               |
| 2   | An Phước         | 403.300                    | 251.040                           | 29.200              | 221.840                       | 62.480                                   |                                          |                                           | 313.520               |
| 3   | An Viễn          | 213.960                    | 155.043                           | 19.610              | 135.433                       | 113.726                                  |                                          |                                           | 268.769               |
| 4   | Bảo Vinh         | 125.970                    | 100.509                           | 69.470              | 31.039                        | 94.460                                   |                                          |                                           | 194.969               |
| 5   | Bàu Hàm          | 80.255                     | 57.447                            | 22.665              | 34.782                        | 179.711                                  |                                          |                                           | 237.158               |
| 6   | Biên Hòa         | 389.510                    | 235.624                           | 71.200              | 164.424                       | 97.968                                   |                                          |                                           | 333.592               |
| 7   | Bình An          | 157.920                    | 98.150                            | 19.800              | 78.350                        | 70.678                                   |                                          |                                           | 168.828               |
| 8   | Bình Lộc         | 155.552                    | 112.081                           | 59.630              | 52.451                        | 130.794                                  |                                          |                                           | 242.875               |
| 9   | Bình Long        | 127.376                    | 79.507                            | 22.526              | 56.981                        | 172.841                                  |                                          |                                           | 252.348               |
| 10  | Bình Minh        | 275.760                    | 184.258                           | 31.640              | 152.618                       | 169.633                                  |                                          |                                           | 353.891               |
| 11  | Bình Phước       | 506.000                    | 301.399                           | 84.130              | 217.269                       | 290.476                                  |                                          |                                           | 591.875               |
| 12  | Bình Tân         | 32.400                     | 17.729                            | 7.600               | 10.129                        | 204.962                                  |                                          |                                           | 222.691               |
| 13  | Bom Bo           | 14.310                     | 8.318                             | 6.150               | 2.168                         | 156.352                                  |                                          |                                           | 164.670               |
| 14  | Bù Đăng          | 63.120                     | 34.539                            | 12.670              | 21.869                        | 253.477                                  |                                          |                                           | 288.016               |
| 15  | Bù Gia Mập       | 5.550                      | 2.437                             | 1.343               | 1.094                         | 136.053                                  |                                          |                                           | 138.490               |
| 16  | Cẩm Mỹ           | 99.258                     | 64.111                            | 15.715              | 48.396                        | 238.566                                  |                                          |                                           | 302.677               |
| 17  | Chơn Thành       | 298.340                    | 196.904                           | 38.170              | 158.734                       | 108.611                                  |                                          |                                           | 305.515               |
| 18  | Đa Kia           | 64.000                     | 38.123                            | 9.001               | 29.122                        | 185.482                                  |                                          |                                           | 223.605               |
| 19  | Đại Phước        | 361.900                    | 150.685                           | 51.120              | 99.565                        | 182.407                                  |                                          |                                           | 333.092               |
| 20  | Đak Lua          | 484                        | 314                               | 124                 | 190                           | 97.243                                   |                                          |                                           | 97.557                |
| 21  | Đak Nhau         | 15.270                     | 9.553                             | 5.260               | 4.293                         | 160.576                                  |                                          |                                           | 170.129               |
| 22  | Đăk Ó            | 38.000                     | 25.134                            | 9.362               | 15.772                        | 170.546                                  |                                          |                                           | 195.680               |
| 23  | Dầu Giây         | 219.645                    | 128.109                           | 6.220               | 121.889                       | 293.632                                  |                                          |                                           | 421.741               |
| 24  | Định Quán        | 94.048                     | 56.816                            | 19.476              | 37.340                        | 395.382                                  |                                          |                                           | 452.198               |
| 25  | Đồng Phú         | 217.160                    | 144.091                           | 37.290              | 106.801                       | 188.813                                  |                                          |                                           | 332.904               |
| 26  | Đồng Tâm         | 85.690                     | 54.878                            | 14.550              | 40.328                        | 167.960                                  |                                          |                                           | 222.838               |
| 27  | Đồng Xoài        | 185.880                    | 112.656                           | 22.550              | 90.106                        | 118.696                                  |                                          |                                           | 231.352               |
| 28  | Gia Kiệm         | 85.525                     | 54.975                            | 12.800              | 42.175                        | 281.883                                  |                                          |                                           | 336.858               |
| 29  | Hàng Gòn         | 84.125                     | 66.054                            | 49.182              | 16.872                        | 83.236                                   |                                          |                                           | 149.290               |
| 30  | Hố Nai           | 327.400                    | 189.050                           | 26.200              | 162.850                       | 127.675                                  |                                          |                                           | 316.725               |
| 31  | Hưng Phước       | 74.265                     | 45.402                            | 2.965               | 42.437                        | 79.828                                   |                                          |                                           | 125.230               |

| Stt | Xã, phường   | Tổng thu NSNN trên địa bàn | Thu NSDP được hưởng theo phân cấp | Trong đó:           |                               | Số bổ sung cân đối từ ngân sách cấp trên | Số bổ sung thực hiện cải cách tiền lương | Thu chuyển nguồn từ năm trước chuyển sang | Tổng chi cân đối NSDP |
|-----|--------------|----------------------------|-----------------------------------|---------------------|-------------------------------|------------------------------------------|------------------------------------------|-------------------------------------------|-----------------------|
|     |              |                            |                                   | Thu NSDP hưởng 100% | Thu phân chia NSDP được hưởng |                                          |                                          |                                           |                       |
| A   | B            | 1                          | 2                                 | 2.1                 | 2.2                           | 3                                        | 4                                        | 5                                         | 6                     |
| 32  | Hưng Thịnh   | 128.210                    | 87.688                            | 22.200              | 65.488                        | 195.210                                  |                                          |                                           | 282.898               |
| 33  | La Ngà       | 28.839                     | 16.627                            | 4.467               | 12.160                        | 197.438                                  |                                          |                                           | 214.065               |
| 34  | Lộc Hưng     | 44.340                     | 28.198                            | 5.440               | 22.758                        | 149.776                                  |                                          |                                           | 177.974               |
| 35  | Lộc Ninh     | 88.860                     | 51.407                            | 13.300              | 38.107                        | 197.713                                  |                                          |                                           | 249.120               |
| 36  | Lộc Quang    | 26.630                     | 16.164                            | 5.430               | 10.734                        | 159.979                                  |                                          |                                           | 176.143               |
| 37  | Lộc Tấn      | 46.160                     | 29.610                            | 6.860               | 22.750                        | 141.527                                  |                                          |                                           | 171.137               |
| 38  | Lộc Thành    | 119.650                    | 72.759                            | 6.200               | 66.559                        | 111.089                                  |                                          |                                           | 183.848               |
| 39  | Lộc Thạnh    | 25.310                     | 15.566                            | 3.060               | 12.506                        | 103.718                                  |                                          |                                           | 119.284               |
| 40  | Long Bình    | 896.254                    | 520.797                           | 126.420             | 394.377                       | 184.548                                  |                                          |                                           | 705.345               |
| 41  | Long Hà      | 38.200                     | 22.874                            | 8.390               | 14.484                        | 174.231                                  |                                          |                                           | 197.105               |
| 42  | Long Hưng    | 402.410                    | 247.042                           | 58.800              | 188.242                       | 117.582                                  |                                          |                                           | 364.624               |
| 43  | Long Khánh   | 276.223                    | 186.841                           | 102.830             | 84.011                        | 200.826                                  |                                          |                                           | 387.667               |
| 44  | Long Phước   | 356.630                    | 232.553                           | 24.380              | 208.173                       | 127.165                                  |                                          |                                           | 359.718               |
| 45  | Long Thành   | 1.004.800                  | 604.401                           | 92.750              | 511.651                       | 42.276                                   |                                          |                                           | 646.677               |
| 46  | Minh Đức     | 55.724                     | 35.049                            | 4.394               | 30.655                        | 114.031                                  |                                          |                                           | 149.080               |
| 47  | Minh Hưng    | 243.131                    | 162.869                           | 20.711              | 142.158                       | 68.899                                   |                                          |                                           | 231.768               |
| 48  | Nam Cát Tiên | 12.550                     | 8.210                             | 3.815               | 4.395                         | 142.800                                  |                                          |                                           | 151.010               |
| 49  | Nghĩa Trung  | 38.830                     | 24.892                            | 9.990               | 14.902                        | 211.748                                  |                                          |                                           | 236.640               |
| 50  | Nha Bích     | 121.477                    | 81.950                            | 11.427              | 70.523                        | 115.629                                  |                                          |                                           | 197.579               |
| 51  | Nhon Trạch   | 677.900                    | 357.547                           | 79.460              | 278.087                       | 186.308                                  |                                          |                                           | 543.855               |
| 52  | Phú Hòa      | 30.202                     | 19.664                            | 4.741               | 14.923                        | 159.796                                  |                                          |                                           | 179.460               |
| 53  | Phú Lâm      | 36.259                     | 20.733                            | 5.855               | 14.878                        | 300.492                                  |                                          |                                           | 321.225               |
| 54  | Phú Lý       | 10.325                     | 5.796                             | 2.210               | 3.586                         | 98.454                                   |                                          |                                           | 104.250               |
| 55  | Phú Nghĩa    | 38.800                     | 21.178                            | 10.810              | 10.368                        | 220.229                                  |                                          |                                           | 241.407               |
| 56  | Phú Riêng    | 105.000                    | 64.302                            | 12.940              | 51.362                        | 207.873                                  |                                          |                                           | 272.175               |
| 57  | Phú Trung    | 25.600                     | 14.647                            | 5.880               | 8.767                         | 126.763                                  |                                          |                                           | 141.410               |
| 58  | Phú Vinh     | 27.595                     | 18.204                            | 6.862               | 11.342                        | 155.865                                  |                                          |                                           | 174.069               |
| 59  | Phước An     | 355.250                    | 175.981                           | 53.600              | 122.381                       | 165.290                                  |                                          |                                           | 341.271               |
| 60  | Phước Bình   | 183.800                    | 103.299                           | 22.890              | 80.409                        | 159.922                                  |                                          |                                           | 263.221               |
| 61  | Phước Long   | 72.150                     | 45.537                            | 19.434              | 26.103                        | 175.717                                  |                                          |                                           | 221.254               |
| 62  | Phước Sơn    | 26.950                     | 15.695                            | 7.810               | 7.885                         | 227.594                                  |                                          |                                           | 243.289               |
| 63  | Phước Tân    | 344.241                    | 203.123                           | 48.700              | 154.423                       | 58.666                                   |                                          |                                           | 261.789               |
| 64  | Phước Thái   | 324.700                    | 191.676                           | 30.540              | 161.136                       | 116.588                                  |                                          |                                           | 308.264               |
| 65  | Sông Ray     | 39.823                     | 24.931                            | 11.078              | 13.853                        | 178.943                                  |                                          |                                           | 203.874               |
| 66  | Tà Lài       | 17.000                     | 11.347                            | 4.867               | 6.480                         | 201.002                                  |                                          |                                           | 212.349               |
| 67  | Tam Hiệp     | 803.287                    | 459.952                           | 92.780              | 367.172                       | 63.664                                   |                                          |                                           | 523.616               |
| 68  | Tam Phước    | 357.350                    | 225.286                           | 95.000              | 130.286                       | 39.468                                   |                                          |                                           | 264.754               |
| 69  | Tân An       | 146.820                    | 95.184                            | 13.110              | 82.074                        | 130.628                                  |                                          |                                           | 225.812               |
| 70  | Tân Hưng     | 45.490                     | 29.775                            | 6.270               | 23.505                        | 193.819                                  |                                          |                                           | 223.594               |
| 71  | Tân Khai     | 85.127                     | 54.078                            | 14.377              | 39.701                        | 164.082                                  |                                          |                                           | 218.160               |
| 72  | Tân Lợi      | 92.740                     | 56.207                            | 11.220              | 44.987                        | 120.556                                  |                                          |                                           | 176.763               |

| Stt | Xã, phường | Tổng thu NSNN trên địa bàn | Thu NSDP được hưởng theo phân cấp | Trong đó:           |                               | Số bổ sung cân đối từ ngân sách cấp trên | Số bổ sung thực hiện cải cách tiền lương | Thu chuyển nguồn từ năm trước chuyển sang | Tổng chi cân đối NSDP |
|-----|------------|----------------------------|-----------------------------------|---------------------|-------------------------------|------------------------------------------|------------------------------------------|-------------------------------------------|-----------------------|
|     |            |                            |                                   | Thu NSDP hưởng 100% | Thu phân chia NSDP được hưởng |                                          |                                          |                                           |                       |
| A   | B          | 1                          | 2                                 | 2.1                 | 2.2                           | 3                                        | 4                                        | 5                                         | 6                     |
| 73  | Tân Phú    | 81.298                     | 52.363                            | 18.236              | 34.127                        | 346.797                                  |                                          |                                           | 399.160               |
| 74  | Tân Quan   | 105.175                    | 69.585                            | 11.495              | 58.090                        | 128.336                                  |                                          |                                           | 197.921               |
| 75  | Tân Tiến   | 27.815                     | 17.055                            | 8.525               | 8.530                         | 171.261                                  |                                          |                                           | 188.316               |
| 76  | Tân Triều  | 661.219                    | 418.446                           | 54.900              | 363.546                       | 174.801                                  |                                          |                                           | 593.247               |
| 77  | Thanh Sơn  | 6.926                      | 4.488                             | 2.033               | 2.455                         | 195.341                                  |                                          |                                           | 199.829               |
| 78  | Thiện Hưng | 74.070                     | 43.768                            | 9.710               | 34.058                        | 261.119                                  |                                          |                                           | 304.887               |
| 79  | Thọ Sơn    | 16.680                     | 9.309                             | 5.230               | 4.079                         | 179.078                                  |                                          |                                           | 188.387               |
| 80  | Thống Nhất | 97.065                     | 59.294                            | 10.065              | 49.229                        | 249.956                                  |                                          |                                           | 309.250               |
| 81  | Thuận Lợi  | 54.010                     | 34.383                            | 6.270               | 28.113                        | 161.602                                  |                                          |                                           | 195.985               |
| 82  | Trần Biên  | 1.053.300                  | 643.639                           | 128.100             | 515.539                       | 283.066                                  |                                          |                                           | 926.705               |
| 83  | Trảng Bom  | 309.080                    | 211.384                           | 42.150              | 169.234                       | 271.005                                  |                                          |                                           | 482.389               |
| 84  | Trảng Dài  | 732.264                    | 429.367                           | 128.500             | 300.867                       | 20.629                                   |                                          |                                           | 449.996               |
| 85  | Trị An     | 107.520                    | 63.178                            | 16.830              | 46.348                        | 265.199                                  |                                          |                                           | 328.377               |
| 86  | Xuân Bắc   | 30.900                     | 18.117                            | 5.275               | 12.842                        | 202.010                                  |                                          |                                           | 220.127               |
| 87  | Xuân Định  | 51.480                     | 30.203                            | 6.370               | 23.833                        | 191.420                                  |                                          |                                           | 221.623               |
| 88  | Xuân Đông  | 70.976                     | 46.431                            | 11.526              | 34.905                        | 224.649                                  |                                          |                                           | 271.080               |
| 89  | Xuân Đường | 64.395                     | 43.830                            | 9.700               | 34.130                        | 153.243                                  |                                          |                                           | 197.073               |
| 90  | Xuân Hòa   | 125.060                    | 72.582                            | 13.500              | 59.082                        | 270.269                                  |                                          |                                           | 342.851               |
| 91  | Xuân Lập   | 113.530                    | 84.721                            | 60.380              | 24.341                        | 44.004                                   |                                          |                                           | 128.725               |
| 92  | Xuân Lộc   | 165.740                    | 103.746                           | 25.880              | 77.866                        | 411.839                                  |                                          |                                           | 515.585               |
| 93  | Xuân Phú   | 18.875                     | 11.626                            | 3.735               | 7.891                         | 164.014                                  |                                          |                                           | 175.640               |
| 94  | Xuân Quế   | 62.694                     | 37.968                            | 12.422              | 25.546                        | 122.300                                  |                                          |                                           | 160.268               |
| 95  | Xuân Thành | 33.945                     | 17.977                            | 3.790               | 14.187                        | 142.899                                  |                                          |                                           | 160.876               |